

Chơn Thành, ngày 14 tháng 12 năm 2021

Số: 23/2021/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/TLST – DS ngày 18/3/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

1.1. *Nguyên đơn*: Ông Phạm Hữu T , sinh năm: 1982, bà Nguyễn Thị H , sinh năm: 1987, cùng địa chỉ cư trú tại: Khu phố 2, thị trấn C , huyện C1, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Đỗ Văn Th , sinh năm 1962, địa chỉ: ấp 1, xã T , huyện B , tỉnh Bình Dương

1.2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm: 1965, ông Đỗ Cao Đ , sinh năm: 1962, cùng địa chỉ cư trú : Khu phố 3, thị trấn C , huyện C1, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Công nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Phạm Hữu Tình và bà Nguyễn Thị H và bà Đỗ Thị H1:*

Công nhận cho ông Phạm Hữu T và bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 260,6m² (trong đó có 90m² đất ở) thuộc thửa số 17, tờ bản đồ 84, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn C , huyện C1, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận: Phía đông giáp đường Phạm Hồng Thái; Phía Tây giáp: thửa đất số 4 và thửa số 5, tờ bản đồ 83; Phía Nam giáp thửa đất 18 và thửa đất 206 tờ bản đồ 84; Phía Bắc giáp thửa 37 tờ bản đồ số 83.

Công nhận cho bà Trần Thị Kim C và ông Đỗ Cao Đ được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 233,9m² (trong đó có 210m² đất ở) thuộc thửa số 101,

tờ bản đồ 84, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường Phạm Hồng Thái; Phía Tây giáp: thửa đất số 17, tờ bản đồ 84; Phía Nam giáp thửa đất 206 tờ bản đồ 84; Phía Bắc giáp thửa đất 17, tờ bản đồ số 84.

(Có sơ đồ đo đạc ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chơn Thành kèm theo)

Ông Phạm Hữu T và bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị Kim C và ông Đỗ Cao Đ có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất được công nhận theo quyết định này.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Hữu T và bà Nguyễn Thị H thống nhất chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng án phí dân sự không có giá ngạch và 41.731.580 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng án phí ông T, bà H phải chịu là 41.881.580 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.800.000 đồng theo biên lai thu số 0002750, quyển số 0055 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành. Ông T, bà H còn phải chịu 34.081.580 đồng.

Bị đơn ông Đỗ Cao Đ và bà Trần Thị Kim C không phải chịu.

2.3. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: ông Phạm Hữu T và bà Nguyễn Thị H chịu toàn bộ được trừ vào số tiền ông T, bà H đã nộp (đo đạc: 5.742.000 đồng, thẩm định 1.000.000đồng; định giá tài sản: 2.000.000đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát H Chơn Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Chu Thị Thu Hà